

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1TS**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02140**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Luật Hôn nhân và Gia đình**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012797	Huỳnh Ngọc	Anh	08/07/1987			0	0.0				0.0	0.0	0.0
2	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997			8.5	8.5				8.5		8.5
3	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982			8	9.0				9.5		9.2
4	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962			8	8.5				7.5		7.8
5	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972			8.5	8.0				8.5		8.4
6	2253801012802	Nguyễn Thành	Đạt	05/09/2001			0	0.0				0.0	0.0	0.0
7	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985			8	6.5				7.0		7.0
8	2253801012805	Nguyễn Văn	Hậu	25/05/2002			7.5	7.0				8.5		8.0
9	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988			8	8.0				8.0		8.0
10	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001			7.5	7.0				8.0		7.7
11	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993			7.5	8.0				8.5		8.2
12	2253801012811	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa	19/07/2004			8.5	8.0				8.5		8.4
13	2253801012813	Lê Nhựt Diệu	Lành	07/07/2006			8.5	7.5				8.5		8.2
14	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992			8	8.0				10.0		9.2
15	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988			8.5	8.5				8.5		8.5
16	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973			8.5	8.5				8.5		8.5
17	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001			8	7.5				8.5		8.2
18	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001			8	8.0				8.5		8.3
19	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968			8.5	9.0				8.5		8.6

Châu Đốc, ngày 13 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền